

Bản án số: **302/2019/DS-ST**

Ngày: 15-08-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lê Quyên

2. Ông Phạm Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 05 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 07 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Thị S** – sinh năm 1956 (có mặt)

Thường trú: đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà **Dương Thị H** – sinh năm 1957 (vắng mặt)

Thường trú: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: đường A, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/04/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Hồ Thị S trình bày:

Vào ngày 23/12/2015 bà Hồ Thị S có cho bà Dương Thị H vay số tiền là 240.000.000 đồng (*hai trăm bốn mươi triệu đồng*). Sau đó bà H có vay tiếp nhiều lần. Đến ngày 06/7/2016 giữa hai bên thống nhất lại số tiền bà H còn nợ bà S là 253.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi ba triệu đồng*). Thời gian đầu bà H có trả cho bà S số tiền là 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) đến nay bà H ngưng không trả nữa. Do đó, bà S yêu cầu Tòa án buộc bà H trả cho bà S số tiền là 245.500.000 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*), phương thức thanh toán mỗi ngày trả 50.000 đồng (*năm mươi ngàn đồng*)

theo đúng thỏa thuận trong giấy mượn tiền ngày 06/7/2016 cho đến khi trả hết số nợ trên. Bà S không yêu cầu tính lãi chậm trả. Số tiền trên là của cá nhân bà S cho cá nhân bà H vay, nên bà S chỉ yêu cầu bà H trả tiền.

Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 20/8/2016 bà S cho bà H vay số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*), số tiền này bà H đã trả hết cho bà S. Nên bà S không có yêu cầu gì.

Bà S thừa nhận có giữ của bà H bản chính chứng minh nhân dân số 024857xxx cấp ngày 20/02/2008 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh và sổ hộ khẩu số 31070017xxx nơi thường trú đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh chủ hộ là bà Dương Thị H. Giữa hai bên có làm giấy giao nhận ngày 07/5/2015 do bà Đặng Thị Như L là con dâu của bà H đưa cho bà S. Mục đích bà S giữ giấy tờ trên là để làm tin. Trường hợp, bà H đồng ý thỏa thuận tại Tòa thanh toán cho bà S mỗi ngày 50.000 đồng (*năm mươi ngàn đồng*) cho đến khi trả xong số tiền còn nợ là 245.500.000 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*) thì bà S mới đồng ý trả lại ngay bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu cho bà H. Việc bà H có giao và bà S có giữ bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu hai bên đã thống nhất ý kiến nên bà S không yêu cầu đưa bà Đặng Thị Như L vào tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 10/06/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Dương Thị H trình bày:

Bà H có vay bà S số tiền là 253.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi ba triệu đồng*). Bà H đã trả số tiền là 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*). Bà H còn nợ bà S số tiền là 245.500.000 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên bà H xin được trả góp mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) cho đến khi trả hết số nợ trên.

Bà H yêu cầu khi Tòa án xét xử hợp đồng vay tiền thì bà S phải trả lại cho bà H bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu. Bà H cũng thống nhất không yêu cầu đưa bà Đặng Thị Như L vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng bổ sung thêm: Yêu cầu bà H thanh toán mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) vào ngày 10 dương lịch. Các bên thực hiện việc giao nhận tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S, buộc bà Dương Thị H phải có nghĩa vụ trả bà S số tiền 245.500.000 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*). Ghi nhận sự tự nguyện của bà S chỉ yêu cầu bà H trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho đến khi trả hết nợ, không yêu cầu tính lãi chậm trả. Ngoài ra đề nghị Tòa án buộc bà S trả lại ngay một chứng minh thư, một sổ hộ khẩu gia đình bản chính đang giữ cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bị đơn là bà Dương Thị H cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét bị đơn là bà Dương Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về số tiền cho vay:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền mà bà Dương Thị H còn nợ bà Hồ Thị S là 245.500.000 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*) theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/12/2015 và giấy mượn tiền ngày 06/7/2016. Đây là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về tiền lãi suất:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị S không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với bà Dương Thị H.

[3.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Bà Hồ Thị S không chấp nhận cho bà Dương Thị H trả góp mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Bà S yêu cầu bà H thanh toán mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) vào ngày 10 dương lịch. Các bên thực hiện việc giao nhận tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 06/7/2016 thì các bên thỏa thuận bà H phải trả cho bà S mỗi ngày là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên tại

phiên tòa hôm nay bà S chỉ yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) cho thấy bà S có thiện chí tạo điều kiện cho bà H trả nợ và có lợi cho bị đơn. Nên hội đồng xét xử chấp nhận theo thời hạn và phương thức trả nợ mà nguyên đơn yêu cầu.

[3.4] Về việc giữ bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất bà S có giữ của bà H bản chính chứng minh nhân dân số 024857xxx cấp ngày 20/02/2008 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh và sổ hộ khẩu số 31070017xxx nơi thường trú đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh chủ hộ là bà Dương Thị H. Mục đích bà S giữ giấy tờ trên là để làm tin.

Bà H yêu cầu khi Tòa án xét xử hợp đồng vay tiền thì bà S phải trả lại cho bà H bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu nêu trên.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ quy định “*Nghiêm cấm việc làm giả, tẩy xóa, sửa chữa, cho thuê, cho mượn, thế chấp... Chứng minh nhân dân*”. Căn cứ vào Luật cư trú được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và khoản 7 Điều 10 Thông tư 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành Luật cư trú quy định “... *Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa, thế chấp, cho mượn, cho thuê hoặc sử dụng sổ hộ khẩu trái pháp luật*”. Từ những căn cứ trên cho thấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu chỉ là giấy tờ tùy thân của công dân nên việc bà S giữ bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà H để làm tin khi cho vay tiền là trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bà S trả lại cho bà H bản chính chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.275.000 đồng (*mười hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ;

Căn cứ Luật cư trú được sửa đổi, bổ sung năm 2013;

Căn cứ Thông tư 35/2014/TT-BCA ngày 09/9/2014 của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn là bà Dương Thị H.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hồ Thị S.

Buộc bà Dương Thị H phải thanh toán cho bà Hồ Thị S mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) vào ngày 10 dương lịch cho đến khi trả xong số tiền còn nợ là 245.500.000 đồng (*hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*) theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/12/2015 và giấy mượn tiền ngày 06/7/2016 ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thực hiện việc giao nhận tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Buộc bà Hồ Thị S trả lại cho bà Dương Thị H bản chính chứng minh nhân dân số 024857xxx cấp ngày 20/02/2008 tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh và sổ hộ khẩu số 31070017xxx nơi thường trú đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh chủ hộ là bà Dương Thị H ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.275.000 đồng (*mười hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Hồ Thị S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6. Quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị S có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Dương Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân